TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quân

Ông Nguyễn Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:**

Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Thạch Ngọc Q (tên gọi khác: S)**,** sinh năm 1989; tại: huyện T, tỉnh T. ĐKTT: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh T; Chổ ở: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch S và bà Thạch Thị Ch; vợ: Thạch Thị So Ph và 02 con: Lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Tốt;. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2017 cho đến nay *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lục Khả Tú - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

Người bị hại:

- Ông Thạch D, sinh năm 1982(có mặt)

- Bà Lâm Thị S, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Thạch Ph, sinh năm 1955 (Có mặt)

- Bà Thạch Thị X, sinh năm 1961 (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T;

Người làm chứng:

Thạch Thị S, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mã)

Thạch Thị So Ph, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T;

Hồng P, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh T;

Thạch Sốc K, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Thạch Si T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh T.

Bà Hồ Thị B, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi lập gia đình, bị cáo Thạch Ngọc Q cùng vợ Thạch Thị So Ph sống chung nhà cha mẹ vợ là Thạch Ph và Thạch Thị X tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T. Do thiếu nợ và không có tiền tiêu xài nên khoảng 15 giờ ngày 12/11/2017, trong lúc tìm chìa khóa xe môtô, bị cáo phát hiện dưới chiếu giường ngủ của Thạch Ph có để 01 túi nylon, màu đen, có tiền, bị cáo nảy sinh lấy trộm, nhưng lúc đó có ông Thạch Ph ở nhà nên chưa thực hiện được.

Khoảng 09 giờ ngày 13/11/2017, bị cáo lợi dụng không có ai nên lén lúc đến giường ngủ của ông Ph lấy trộm túi nylon trên và đem vào phòng ngủ của bị cáo kiểm tra, phát hiện bên trong túi nylon màu đen gồm có 01 cọc tiền, đều có mệnh giá 500.000 đồng và 01 cọc tiền trong túi nylon màu xanh có mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng. Bị cáo lấy cọc tiền trong túi nylon màu đen bỏ vào túi quần đang mặc, còn lại cọc tiền trong túi nylon màu xanh được bị cáo giữ nguyên trong túi nylon màu đen và đem cất giấu dưới gốc chuối bên hông nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, ông Ph kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm số tiền 45.500.000 đồng. Đến ngày 19/11/2017 con dâu của ông Ph là Thạch Thị S phát hiện túi nylon màu đen có

chứa tiền trước sân hàng ba nhà mình, nên chị S đưa cho ông Ph xem và kiểm tra bên trong có số tiền 18.000.000 đồng, ông Ph xác định đây là tiền mà ông bị mất và cất giữ số tiền trên.

Sau khi phát hiện tiền bị mất, ông Ph nghi ngờ bị cáo lấy nên có hỏi bị cáo, nhưng bị cáo không thừa nhận lấy trộm. Ngày 24/11/2017, ông Ph trình báo Công an xã P. Công an xác minh thì số tài sản bị mất trộm là của Thạch D và Lâm Thị S nhờ vợ chồng ông Ph cất giữ dùm.

Quá trình điều tra, Cơ quan Công an xác định cọc tiền mà bị cáo bỏ vào túi quần là 27.500.000 đồng, bị cáo đem trả nợ và tiêu xài cá nhân như sau:

- Trả tiền mua góp điện thoại di động số tiền 1.491.000 đồng của Ngân hàng HD Sài Gòn và tiền vay Ngân hàng Thịnh Vượng số tiền 3.675.000 đồng tại Siêu thị điện máy xanh thuộc khóm 4, thị trấn Tiểu Cần.

- Trả cho Hồng P, sinh năm 1987 ngụ ấp X, xã P 8.800.000 đồng.

- Trả cho Thạch Si T, sinh năm 1994 ngụ ấp C, xã P 2.000.000 đồng.

- Trả cho Thạch Sốc K, sinh năm 1988 ngụ ấp C, xã P 1.250.000 đồng.

- Trả cho Hồ Thị B, sinh năm 1969 ngụ ấp B, xã P số tiền 500.000 đồng.

- Trả cho Kim Bá P, sinh năm 1981 ngụ ấp Đ, xã P số tiền 300.000 đồng.

- Trả tiền mua tol cất nhà tại cửa hàng vật liệu xây dựng Q thuộc ấp Đ, xã P số tiền 980.000 đồng.

Số tiền còn lại 8.504.000 đồng bị cáo tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận lấy trộm số tiền 45.500.000 đồng tại giường ngủ của ông Thạch Ph.

Đối với Hồ Thị B, Hồng P, Kim Bá P, Thạch Si T, Thạch Sốc K thừa nhận có nhận tiền do bị cáo trả nhưng không biết là tiền bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở xử lý. Xác minh Siêu thị điện máy xanh thì bị cáo có trả tiền mua điện thoại và trả Ngân hàng. Riêng chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Q không xác định bị cáo có đến mua hàng hay không vì do hàng ngày có nhiều người đến mua hàng.

Vợ chồng ông Ph đã trả cho anh D và chị S 45.500.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho ông Ph 10.000.000 đồng, bị cáo còn phải hoàn trả cho vợ chồng ông Ph 17.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSND-TC ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Thạch Ngọc Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Thạch Ph và bà Thạch Thị X số tiền 17.500.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ tại các điển b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06 tháng 11 năm 2013 cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại Thạch D, Lâm Thị S trình bày: Số tiền 45.500.000 đồng, vợ chồng anh, chị gởi cho ông Thạch Ph đã bị Thạch Ngọc Q lấy trộm, ông Thạch Ph và bà Thạch Thị X đã hoàn trả xong nên không có yêu cầu gì, riêng về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch Ph và bà Thạch Thị X yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 17.500.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng bà Hồ Thị B, chị Thạch Thị S, anh Hồng P, anh Thạch Sốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; những người nêu trên có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên Tòa bị cáo Thạch Ngọc Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng với các lời khai trước đây tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 13/11/2017, bị cáo Thạch Ngọc Q đã lén lút lấy trộm 45.500.000 đồng tại nhà của ông Thạch Ph tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh T, vì vậy, hành vi trộm cắp tài sản của Thạch Ngọc Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, cho nên bản cáo trạng số 08/CT-VKSND-TC ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Tuy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có một tình tiết chỉ khắc phục một phần hậu quả, nhưng chưa khắc phục hoàn toàn hậu quả thiệt hại, nên tình tiết này chỉ xem xét một phần khi lượng hình. Số tiền mà bị cáo lấy trộm là tương đối lớn. Mặc khác tình hình tội phạm trộm cắp trên địa bàn huyện Tiểu Cần diễn biến khá phức tạp, cần xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa đối với loại tội phạm này, nên không thể áp dụng Điều 60 để cho bị cáo hưởng án treo trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo được.

[5] Xét về tính chất mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do tham lam, thích hưởng thụ nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chính người thân trong gia đình của mình đang sinh sống. Mặc khác, trên địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng, nhất là tội phạm trộm cắp. Do đó, nhằm có tính răn đe và phục vụ cho tình hình chính trị tại địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo Thạch Ngọc Q ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội có thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi 18.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục được 10.000.000 đồng trong số 27.500.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hai con còn nhỏ. Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự..

[7] Đối với Hồ Thị B, Hồng P, Kim Bá P, Thạch Si T, Thạch Sốc K thừa nhận có nhận tiền do bị cáo trả nhưng không biết là tiền bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nghĩ nên xử lý như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Thạch Ngọc Q (tên gọi khác: S) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Thạch Ngọc Q 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt để chấp hành án.

2. Về trách nhiện dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Thạch Ngọc Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Thạch Ph, bà Thạch Thị X số tiền 17.500.000 đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần;
- Công an huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GĐKT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long